



Tổng hợp và phân tích nghiên cứu kế toán ở Việt Nam

NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG^{a,*}, NGUYỄN LAN PHƯƠNG^a, TRẦN THỊ THANH THẢO^a

^a Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 21/12/2021 Ngày nhận lại: 06/05/2022 Duyệt đăng: 10/05/2022</p> <p>Mã phân loại JEL: M14.</p> <p>Từ khóa: Nghiên cứu kế toán; Phương pháp tổng lược hệ thống; Kế toán tài chính; Kiểm toán; Các tạp chí về kế toán.</p> <p>Keywords: Accounting research; Systematic/structured literature review; Financial accounting; Auditing; Journals in accounting.</p>	<p>Nghiên cứu về kế toán ở Việt Nam trải qua một chặng đường chưa đủ dài, chỉ mới phát triển trong vòng hơn mười năm trở lại đây và ngày càng tăng về số lượng và chất lượng nghiên cứu. Bài báo này phân tích đặc điểm nghiên cứu kế toán ở Việt Nam trong thời gian qua, thông qua việc sử dụng phương pháp tổng lược hệ thống. Dựa vào các cơ sở dữ liệu của các tạp chí Việt Nam, Tạp chí Khoa học Việt Nam Trực tuyến, Tư liệu khoa học Việt Nam, và Google Scholar, nhóm tác giả thu thập 298 bài báo sẵn có thuộc lĩnh vực kế toán công bố trên các tạp chí trong nước từ năm 2004 đến năm 2021 đáp ứng một số tiêu chí để có thể đưa vào xem xét. Sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua đọc tóm tắt và phương pháp tổng lược hệ thống, kết quả cho thấy nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận định tính chiếm ưu thế hơn so với nghiên cứu áp dụng cách tiếp cận định lượng. Mặt khác, với các nghiên cứu định lượng, phần lớn sử dụng các kỹ thuật toán thống kê cơ bản. Kết quả cũng cho thấy có sự tăng trưởng lớn các nghiên cứu kể từ năm 2015, tập trung vào một số cơ sở đào tạo. Kết quả nghiên cứu dẫn đến một số hàm ý về nghiên cứu kế toán trong tương lai.</p> <p>Abstract</p> <p>The field of accounting research in Vietnam has only developed in the past ten years with the increasing number of studies. This paper analyses accounting studies in Vietnam by using a systematic literature review. Based on the databases of Vietnam Journal Online (VJOL), Vietnam Citation Gateway (VCGATE), and Google scholar, the authors collected 298 articles available in the area of qualified accounting</p>

* Tác giả liên hệ.

Email: phuong.nc@due.edu.vn (Nguyễn Công Phương), phuongnl@due.edu.vn (Nguyễn Lan Phương), thaottt@due.edu.vn (Trần Thị Thanh Thảo).

Trích dẫn bài viết: Nguyễn Công Phương, Nguyễn Lan Phương, & Trần Thị Thanh Thảo. (2022). Tổng hợp và phân tích nghiên cứu kế toán ở Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*, 33(8), 52–66.

published in the domestic scientific journals from 2004 to 2021. Using qualitative research methods through reading abstracts and systematic literature review, the results show that most of studies use the qualitative approach. Besides, among quantitative studies, the majority of studies use basic statistical techniques. The results also show that there has been a large increase in studies since 2015. The results give some implications for accounting research in the future.

1. Giới thiệu

Công bố bài báo khoa học có vai trò quan trọng trong công tác nghiên cứu, đóng góp cho sự phát triển của lý thuyết khoa học nói chung và làm thước đo giá trị khoa học cho các nhà nghiên cứu. Thông qua nghiên cứu được công bố, các học giả cung cấp những phát hiện mới trong từng lĩnh vực nghiên cứu cụ thể và đáp ứng được các yêu cầu đặt ra đối với giảng viên, nghiên cứu viên trong các cơ sở giáo dục đào tạo và nghiên cứu. Nghiên cứu kế toán ở Việt Nam trong thời gian qua có sự phát triển cả về cách tiếp cận và chủ đề, theo hướng kế thừa từ các nghiên cứu trên thế giới. Để có cái nhìn đầy đủ, chi tiết các khía cạnh khác nhau của nghiên cứu kế toán trong thời gian qua, và qua đó định vị mức độ, sự tiến triển của nghiên cứu kế toán ở Việt Nam, cần có một phân tích hệ thống, đầy đủ nhất.

Tổng lược nghiên cứu có hệ thống (Structured/Systematic Literature Review) các nghiên cứu được thực hiện khá phổ biến trên thế giới. Khác với tổng quan tài liệu (Literature Review) – được xem là một phần của nghiên cứu (định lượng) – tổng quan có hệ thống là một dạng nghiên cứu. Phương pháp này cho phép hệ thống hóa các nghiên cứu một cách toàn diện và đáng tin cậy thông qua phân tích chi tiết các khía cạnh, các lập luận liên quan đến lĩnh vực quan tâm (Seuring & Müller, 2008). Hơn thế nữa, phương pháp này cho phép nghiên cứu quá trình phát triển của lĩnh vực nghiên cứu kế toán theo thời gian từ quá khứ đến hiện tại và dự đoán triển vọng tương lai.

Trong lĩnh vực nghiên cứu kế toán trên thế giới, dạng nghiên cứu này cũng được quan tâm và thực hiện theo các chủ đề khác nhau của kế toán, một khi chủ đề đó đã được nghiên cứu trong một khoảng thời gian đủ dài và đủ nhiều công bố. Ví dụ như: Olalere (2011) đã thu thập các bài báo nghiên cứu được xuất bản trên 09 tạp chí uy tín trong 48 năm để phân loại và phân tích các phương pháp nghiên cứu đã được vận dụng trong lĩnh vực kế toán. Erkens và cộng sự (2015) đã thu thập 787 bài báo xuất bản trên 53 tạp chí uy tín trong khoảng thời gian từ năm 1973 đến năm 2013 để cung cấp thông tin tổng hợp về nghiên cứu thông tin phi tài chính trong kế toán. Gần đây, Polzer và cộng sự (2021) đã tổng lược một cách có hệ thống các nghiên cứu về kế toán khu vực công ở các nền kinh tế mới nổi.

Ở Việt Nam, một số tác giả đã thực hiện dạng nghiên cứu này ở các mức độ khác nhau như: Mai Thị Hoàng Minh và cộng sự (2016)¹ đã thu thập và phân loại các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong 42 luận án tiến sĩ chuyên ngành kế toán ở Việt Nam theo cách thức phân loại phương pháp nghiên cứu định tính, nghiên cứu định lượng, nghiên cứu hỗn hợp và phương pháp nghiên cứu khác. Tương tự, Phạm Đức Cường (2016)² cũng tập trung vào các phương pháp khoa học được sử dụng

^{1,2} Được trích dẫn trong nghiên cứu của Đặng Ngọc Hùng (2017).

² (2) Chỉ số Hirsch (H-index), đề xuất bởi Jorge Hirsch vào năm 2005, được dùng để đo lường mức độ ảnh hưởng tích lũy của một nhà khoa học. H-index được tính toán dựa trên số công trình công bố và số lần trích dẫn, cụ thể, chỉ số H của một nhà khoa học

trong nghiên cứu kế toán và đưa ra những đề xuất nghiên cứu từ kinh nghiệm bản thân. Đặng Ngọc Hùng (2017) đã tổng quan các chủ đề và phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong các bài báo nghiên cứu về kế toán công bố trên hai tạp chí khoa học chuyên ngành là: Tạp chí Phát triển kinh tế, và Tạp chí Kinh tế và Kinh doanh trong giai đoạn 2009–2016 thông qua phương pháp nghiên cứu tài liệu lưu trữ.

Tính đến nay, có thể tìm thấy ba nghiên cứu thực hiện tổng lược các nghiên cứu kế toán ở Việt Nam, và chỉ tập trung vào nội dung duy nhất là phương pháp nghiên cứu, chỉ được công bố trong kỷ yếu hội thảo. Nghiên cứu của Đặng Ngọc Hùng (2017) chỉ tổng quan về chủ đề nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu trong hai tạp chí chuyên ngành kinh tế. Mặt khác, các phân tích từ những nghiên cứu trước đây chưa hệ thống hóa các nghiên cứu một cách đầy đủ và có hệ thống theo nhiều khía cạnh khác nhau để có thể cung cấp một bức tranh đầy đủ về nghiên cứu trong kế toán, cũng như tiếp cận theo dạng một nghiên cứu đầy đủ. Để phân tích nghiên cứu kế toán ở Việt Nam trong thời gian qua một cách có hệ thống, nhóm tác giả đã thực hiện nghiên cứu với mục tiêu: (1) Phân tích đầy đủ theo các chiều hướng khác nhau của các nghiên cứu kế toán ở Việt Nam như: Lĩnh vực nghiên cứu, chủ đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu... Từ đó, (2) cung cấp bức tranh tổng thể nghiên cứu kế toán trong thời gian qua để có cái nhìn về thực trạng nghiên cứu kế toán, định hướng nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán trong tương lai.

Cụ thể, bài nghiên cứu phân tích một cách có hệ thống nghiên cứu về kế toán ở Việt Nam nhằm trả lời những câu hỏi nghiên cứu sau:

- Các chủ đề nghiên cứu được quan tâm trong lĩnh vực kế toán là gì? Chủ đề nào được quan tâm nhiều nhất?
- Các cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong các nghiên cứu? Phương pháp nào là phổ biến?
- Các khía cạnh khác như: Công bố theo tạp chí, theo trường đại học, theo năm công bố?
- Các hướng nghiên cứu tiềm năng về lĩnh vực kế toán cho các nhà nghiên cứu trong tương lai?

Để thực hiện nghiên cứu này, nhóm tác giả đã thu thập tất cả các bài báo sẵn có bằng tiếng Việt xuất bản ở Việt Nam liên quan đến chủ đề kế toán - kiểm toán thông qua các từ khóa có liên quan trên ba nguồn dữ liệu khoa học chính gồm: Tạp chí Khoa học Việt Nam Trực tuyến (Vietnam Journals Online – VJOL), Tư liệu Khoa học Việt Nam (Vietnam Citation Gateway – VCGATE), và Google Scholar. Với một số tiêu chí đặt ra để được xem là một “nghiên cứu”, mẫu nghiên cứu cuối cùng có 298 bài báo được xuất bản từ năm 2004 đến tháng 9 năm 2021. Các nghiên cứu sau đó được phân tích theo các khía cạnh như: Chủ đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, tạp chí xuất bản, năm xuất bản và cơ quan công tác của các nhà nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy: (1) Chủ đề thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu (theo thứ tự) là kiểm toán và công bố thông tin; (2) Phương pháp nghiên cứu được sử dụng chủ yếu là phương pháp định tính thông qua tóm tắt, tổng lược dựa trên tài liệu có sẵn; (3) Các tạp chí xuất bản nghiên cứu kế toán, kiểm toán đều đạt uy tín chất lượng theo tiêu chí quốc gia nhưng tiêu chí quốc tế vẫn chưa cao (chỉ số trích dẫn, hệ số ảnh hưởng, chỉ số Hirsch³ thấp); (4) Lĩnh vực nghiên cứu kế toán ngày càng được quan tâm ở Việt Nam; và (5) Các nghiên cứu kế

cho biết H công trình trong tổng số N công trình của nhà khoa học đó được trích dẫn ít nhất là H lần và (N–H) công trình được trích dẫn dưới H lần.

toán xuất bản trong nước, chủ yếu tập trung ở các trường đại học khối ngành kinh tế, kinh doanh có đào tạo ngành kế toán.

Nội dung của bài viết được tổ chức như sau: Phần nội dung thứ nhất giới thiệu khái quát về nghiên cứu kế toán trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Nội dung thứ hai trình bày phương pháp nghiên cứu được sử dụng. Kết quả phân tích tổng lược một cách có hệ thống các nghiên cứu được phân tích và trình bày ở nội dung thứ ba. Nội dung cuối liên quan đến kết luận, hàm ý và hạn chế của nghiên cứu.

2. Khái quát về các lĩnh vực nghiên cứu trong kế toán trên thế giới và ở Việt Nam

Kế toán là một lĩnh vực của khoa học kinh tế, là một bộ phận quan trọng và không thể thiếu trong quá trình vận hành và hoạt động của mọi tổ chức. Nghiên cứu trong kế toán là nghiên cứu khoa học xã hội, bao gồm việc thu thập và phân tích dữ liệu về xã hội, con người, hiện tượng và hình thành kết luận dựa trên phân tích dữ liệu (Brennan, 1998). Theo Oler và cộng sự (2010), nghiên cứu kế toán có thể mô tả là nghiên cứu sự ảnh hưởng của các sự kiện kinh tế đến quá trình tổng hợp, phân tích, xác minh và báo cáo thông tin tài chính theo tiêu chuẩn và ảnh hưởng của các thông tin được báo cáo đến các sự kiện kinh tế.

Brennan (1998) đã đề xuất một số lĩnh vực nghiên cứu trong kế toán, bao gồm: Kế toán tài chính, báo cáo tài chính, kế toán quốc tế, kế toán quản trị, thuế, kiểm toán, đạo đức kinh doanh, lịch sử kế toán, đào tạo kế toán, vấn đề giới tính trong kế toán, nghề nghiệp kế toán. Oler và cộng sự (2010) thì đưa ra sáu lĩnh vực nghiên cứu kế toán, cụ thể là: Kế toán tài chính, kế toán quản trị, kiểm toán, thuế, quản trị, và các lĩnh vực khác. Cũng theo Brennan (1998), có hai phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong kế toán gồm: Phương pháp định tính và phương pháp định lượng. Nghiên cứu định tính thường phù hợp với các dữ liệu quá nhỏ để cho phép khái quát hóa các kết quả từ mẫu thành tổng thể, trong khi đó, nghiên cứu định lượng liên quan đến phân tích thống kê các bộ dữ liệu lớn. Cụ thể hơn, nghiên cứu định lượng là phương pháp giải thích hiện tượng thông qua phân tích thống kê thông qua dữ liệu định lượng thu thập được (Aliaga & Gunderson, 2002).

Tại Việt Nam, có thể nói sự phát triển của các nghiên cứu trong kế toán là một tiền đề quan trọng cho sự phát triển của kế toán Việt Nam, hướng tới một hệ thống kế toán ngày càng hoàn thiện hơn. Trong những năm qua, số lượng các bài báo trong lĩnh vực kế toán được công bố trong nước có xu hướng tăng lên (Đặng Ngọc Hùng, 2017). Phạm Đức Cường (2016)⁴ đã đề xuất một số hướng nghiên cứu trong kế toán như: Khung lý thuyết trong phạm vi kế toán tài chính; xây dựng chuẩn mực kế toán; đo lường và các vấn đề liên quan; các sản phẩm của quá trình báo cáo tài chính; kế toán với vấn đề môi trường, xã hội và phát triển bền vững; kế toán quốc tế; trách nhiệm nghề nghiệp trong kế toán.

Theo nghiên cứu của Đặng Ngọc Hùng (2017), các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong kế toán gồm: Phương pháp định tính, phương pháp định lượng, phương pháp kết hợp và các phương pháp khác. Nếu xét về phương pháp luận kết hợp với kỹ thuật phân tích, nghiên cứu, bao gồm: Phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp chuẩn tắc, phương pháp khảo sát, phương pháp thực nghiệm và phương pháp khác.

⁴ Được trích dẫn trong nghiên cứu của Đặng Ngọc Hùng (2017).

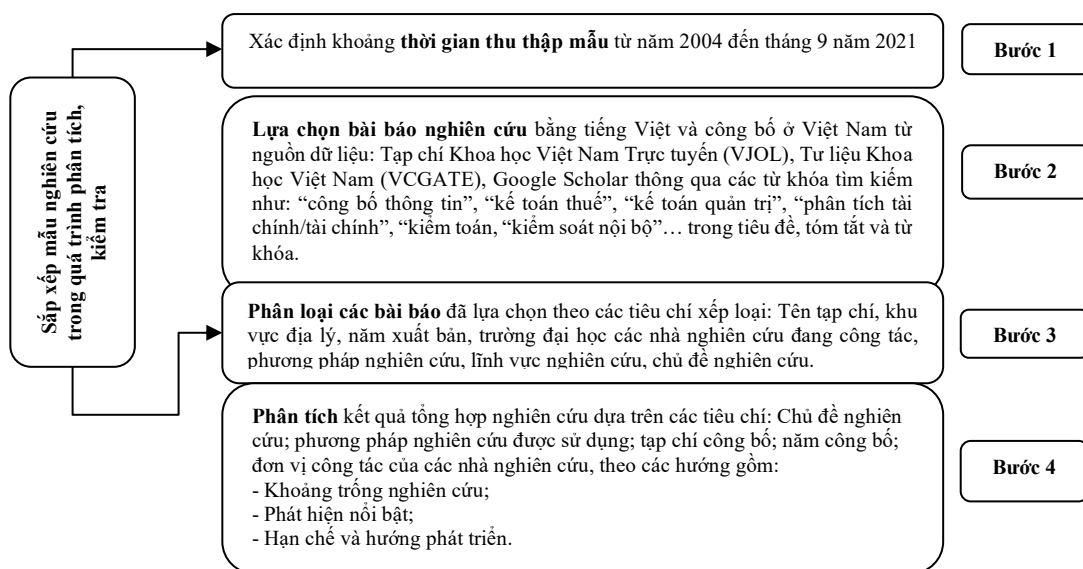
Nhìn chung, cũng như nghiên cứu trên thế giới, nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam sử dụng nhiều cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu khác nhau. Thời gian đầu chủ yếu nghiên cứu định tính thông qua lập luận, giải thích. Thời gian gần đây hình thành xu hướng nghiên cứu định lượng với các kỹ thuật phân tích khác nhau. Để thấy rõ hơn những đặc điểm về nghiên cứu trong kế toán ở Việt Nam, cần có phân tích có hệ thống các nghiên cứu trong thời gian qua.

3. Phương pháp nghiên cứu

Tổng quan lý thuyết là giai đoạn nền tảng quan trọng tạo ra những kiến thức tổng hợp có giá trị giúp các nhà nghiên cứu có thể thiết lập các hành động hoặc kế hoạch mang tính chiến lược trong bất kỳ tình huống nào (Tranfield và cộng sự, 2003). Hệ thống hóa hay cấu trúc hóa lý thuyết nghiên cứu (Systematic/Structured Literature Review – SLR) có thể hiểu như là một phương pháp tổng hợp và phân tích dữ liệu về các nghiên cứu đã công bố theo các khía cạnh khác nhau để kiểm tra và giải thích tình trạng hiện tại của các nghiên cứu (Seuring & Müller, 2008). Bài nghiên cứu này áp dụng phương pháp hệ thống hóa vào phân tích các nghiên cứu kế toán ở Việt Nam để chỉ ra đặc điểm của nghiên cứu kế toán ở Việt Nam trong thời gian qua.

3.1. Quy trình nghiên cứu

Dựa theo nghiên cứu của Akbari và McClelland (2020), phương pháp tổng quan có hệ thống được thực hiện theo bốn bước như được trình bày ở Hình 1. Trên cơ sở bốn bước này và kế thừa các nghiên cứu tổng lược có hệ thống trong lĩnh vực kế toán trên thế giới như nghiên cứu của Erkens và cộng sự (2015), Polzer và cộng sự (2021), chi tiết hóa các bước phù hợp với nghiên cứu này được thiết lập như ở Hình 1.



Hình 1. Các bước hệ thống hóa các nghiên cứu

Nguồn: Akbari và McClelland (2020)

- *Bước 1*: Khoảng thời gian nghiên cứu được xác định trong 18 năm kể từ năm 2004 đến tháng 9 năm 2021. Thời điểm năm 2004 được chọn vì đó là thời điểm có thể tìm thấy các nghiên cứu sẵn có trong các cơ sở dữ liệu điện tử. Phạm vi chọn mẫu nghiên cứu là các bài nghiên cứu về kế toán, kiểm toán ở Việt Nam, được viết bằng tiếng Việt và được công bố trên các Tạp chí khoa học của Việt Nam. Mẫu nghiên cứu chỉ bao gồm các bài báo dạng “nghiên cứu” để đảm bảo tính tin cậy và độ xác thực cao về kiến thức chuyên môn (Podsakoff và cộng sự, 2005).

- *Bước 2*: Để chọn được các bài báo liên quan đến kế toán và ở dạng “nghiên cứu”, nhóm tác giả tiến hành tìm kiếm trên các nguồn dữ liệu điện tử là Tạp chí Khoa học Việt Nam Trực tuyến (VJOL), Tư liệu Khoa học Việt Nam (VCGATE), Google Scholar với các cụm từ tìm kiếm như trong Bảng 1. Chỉ những bài nghiên cứu có trong các cơ sở dữ liệu điện tử này được thu thập. Những bài báo không công bố trong các cơ sở dữ liệu điện tử này sẽ không được xem xét vì lý do không thu thập được. Đây cũng là một hạn chế về dữ liệu nghiên cứu.

- *Bước 3*: Nhóm tác giả đọc qua các bài báo để chọn các bài có dạng “nghiên cứu” trong kế toán. Sau đó, tiến hành phân loại các bài báo đã chọn theo các tiêu chí phân tích và tiến hành phân tích kết quả dữ liệu.

- *Bước 4*: Cuối cùng, tổng hợp các phân tích dựa trên các nội dung nghiên cứu (chủ đề nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu được sử dụng; tạp chí công bố; năm công bố; cơ quan công tác của các nhà nghiên cứu) hướng tới ba mục tiêu chính:

- (1) Nhận diện những đặc điểm (khía cạnh khác nhau) của các nghiên cứu;
- (2) Trình bày những phát hiện chính ở các nghiên cứu công bố;
- (3) Nhận diện những khoảng trống và định hướng nghiên cứu trong tương lai.

Bảng 1.

Các cụm từ tìm kiếm

Cụm từ tìm kiếm	Lĩnh vực chính	Loại nghiên cứu	Kỹ thuật tìm kiếm
“Công bố thông tin”, “Kế toán thuế”, “Kế toán quản trị”, “Phân tích tài chính/Tài chính”, “Giá trị doanh nghiệp”, “Xây dựng, ban hành chuẩn mực/Chế độ kế toán”, “Phương pháp/Kỹ thuật kế toán tài chính”, “Kế toán/Kiểm toán khu vực công”, “Hệ thống thông tin kế toán”, “Quản trị lợi nhuận”, “Kiểm toán”, “Kiểm soát nội bộ”, “Kế toán môi trường/Trách nhiệm xã hội”, “Đạo đức nghề nghiệp”, “Dịch vụ/Đào tạo kế toán/Kiểm toán”	Khoa học xã hội; Kinh tế và kinh doanh; Địa lý kinh tế và xã hội.	Chỉ chọn bài báo đăng trên tạp chí khoa học.	Bài báo được tìm kiếm qua tiêu đề, tóm tắt và các từ khóa.

3.2. Mẫu nghiên cứu

Sau khi tổng hợp các nghiên cứu kế toán ở Việt Nam, nhóm tác giả tổng hợp các thông tin về lĩnh vực nghiên cứu, phương pháp và thiết kế nghiên cứu, tên tạp chí khoa học, xếp hạng khoa học của

các tạp chí, trường đại học nơi nhà nghiên cứu làm việc. Qua tổng hợp này, nhóm tác giả nhận thấy có rất ít bài báo xuất bản ở Việt Nam thuộc loại bài tổng quan tài liệu về nghiên cứu kế toán, kiểm toán.

Dựa trên các tiêu chí chọn mẫu đã mô tả ở Hình 1, mẫu nghiên cứu ban đầu bao gồm 322 bài báo. Tuy nhiên, có một số bài báo trùng lặp do liên quan đến nhiều mảng nội dung nghiên cứu nên nhóm tác giả đã loại bỏ các bài báo trùng lặp. Quá trình này làm mẫu nghiên cứu giảm xuống còn 298 bài, được sử dụng trong các phân tích ở nội dung thứ tư.

Nội dung tiếp theo sẽ phân tích các nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán từ năm 2004 đến tháng 9 năm 2021. Để phân tích có hệ thống, nhóm tác giả phân loại các bài báo theo nhiều tiêu chí khác nhau, qua đó xác định khoảng trống nghiên cứu đang tồn tại trong nghiên cứu kế toán ở Việt Nam hiện nay và từ đó gợi mở các nghiên cứu mới trong tương lai.

4. Phân tích hệ thống các nghiên cứu trong kế toán

4.1. Phân tích các nghiên cứu theo chủ đề nghiên cứu

Kết quả phân tích ở Bảng 2 cho thấy hai chủ đề nghiên cứu được các nhà nghiên cứu quan tâm nhiều nhất là chủ đề kiểm toán (chiếm 12,42%) và chủ đề công bố thông tin (chiếm 11,74%). Số liệu này khác biệt đáng kể so với nghiên cứu của Đặng Ngọc Hùng (2017) khi thu thập các bài báo thuộc lĩnh vực kế toán công bố trên Tạp chí Phát triển kinh tế trong giai đoạn 2009–2016 (chiếm 9,4%). Khác biệt này là do nghiên cứu thu thập nguồn dữ liệu đa dạng cả về không gian (số các tạp chí) và thời gian (18 năm).

Trong số các chủ đề nghiên cứu còn lại, nhóm các chủ đề thu hút sự quan tâm thứ hai bao gồm các chủ đề như: Xây dựng, ban hành các chuẩn mực/chế độ kế toán (chiếm 9,73%); kế toán khu vực công (chiếm 9,40%); kiểm soát nội bộ (chiếm 8,72%). Nhóm thứ ba là các chủ đề khác như: Đào tạo - dịch vụ kế toán, kiểm toán; kế toán quản trị; hệ thống thông tin kế toán; quản trị lợi nhuận và giá trị doanh nghiệp ít thu hút hơn (chiếm trên 5%). Nhóm chủ đề về kế toán môi trường, trách nhiệm xã hội, thuế, phân tích tài chính, đạo đức nghề nghiệp ít thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu nhất (dưới 5%).

Bảng 2.

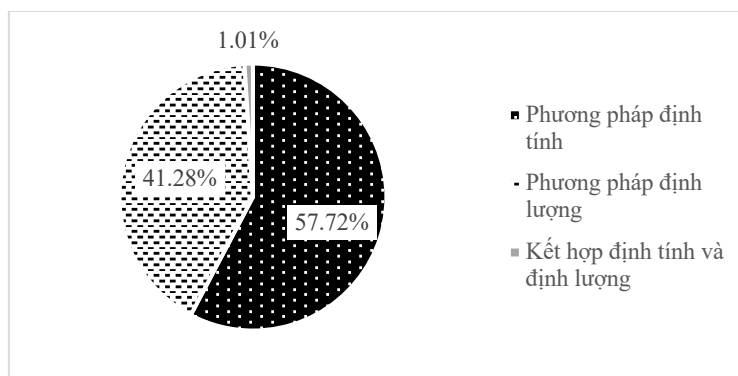
Tổng hợp dữ liệu bài báo theo chủ đề nghiên cứu

STT	Chủ đề nghiên cứu	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Kiểm toán	37	12,42
2	Công bố thông tin	35	11,74%
3	Xây dựng, ban hành chuẩn mực/Chế độ kế toán	29	9,73%
4	Kế toán khu vực công	28	9,40%
5	Kiểm soát nội bộ	26	8,72%
6	Đào tạo, dịch vụ kế toán, kiểm toán	24	8,05%
7	Kế toán quản trị	21	7,05%

STT	Chủ đề nghiên cứu	Số lượng	Tỷ lệ (%)
8	Hệ thống thông tin kế toán	19	6,38%
9	Quản trị lợi nhuận	19	6,38%
10	Giá trị doanh nghiệp	16	5,37%
11	Trách nhiệm xã hội/Kế toán môi trường	14	4,70%
12	Các kỹ thuật/Phương pháp kế toán tài chính doanh nghiệp	13	4,36%
13	Thuế	10	3,36%
14	Phân tích tài chính/Tài chính	5	1,68%
15	Đạo đức nghề nghiệp	2	0,67%
Tổng cộng		298	100,00%

4.2. Phân tích các nghiên cứu theo phương pháp nghiên cứu sử dụng

Theo kết quả nghiên cứu ở Hình 2 thì phương pháp được sử dụng chủ yếu trong nghiên cứu kế toán là phương pháp định tính, chiếm tỷ lệ cao nhất (57,72%), tiếp theo là phương pháp định lượng chiếm 41,28%, còn phương pháp kết hợp định tính và định lượng chỉ được sử dụng 1%. Nghiên cứu của Oler và cộng sự (2010) cũng cho thấy các nghiên cứu định tính chiếm ưu thế chủ yếu khi thu thập dữ liệu về các bài báo đăng trên 06 tạp chí kế toán hàng đầu trong giai đoạn 1960–2007. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của Đặng Ngọc Hùng (2017) lại cho thấy phương pháp nghiên cứu định lượng chiếm tỷ lệ cao nhất (56,30%), còn phương pháp định tính rất ít được sử dụng (2,10%). Điều này có thể chỉ đúng khi chỉ tổng hợp các nghiên cứu đăng trong tạp chí Kinh tế & Phát triển, một tạp chí thiên hướng về nghiên cứu định lượng đối với các lĩnh vực vi mô. Kết quả này thể hiện xu hướng chuyển dịch khá lớn từ phương pháp định lượng sang phương pháp định tính trong các nghiên cứu ở lĩnh vực kế toán tại Việt Nam. Nhìn vào kết quả có vẻ như hướng sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính ở Việt Nam tương đồng với nghiên cứu trên thế giới. Chẳng hạn như, nghiên cứu của Bradbury và Hooks (2013) khi phân tích các bài báo công bố trên Tạp chí Kế toán Thái Bình Dương (Pacific Accounting Review) trong giai đoạn 1988–2012 cho thấy phương pháp nghiên cứu định tính vẫn là phổ biến.



Hình 2. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong lĩnh vực kế toán

Tuy nhiên, như được trình bày ở Bảng 3, các nghiên cứu định tính trong kế toán ở Việt Nam là phần lớn các nghiên cứu tổng hợp từ các tài liệu rồi đưa ra định hướng (chiếm 46,98%), chưa tiếp cận theo cách phản biện, đánh giá có hệ thống; và được công bố ở một số tạp chí có thiên hướng công bố dạng nghiên cứu này. Các nghiên cứu này chủ yếu mô tả/tóm tắt/tổng lược tài liệu có sẵn được sử dụng phổ biến nhất vì tính đơn giản và dễ thực hiện. Việc vận dụng kỹ thuật phân tích chuyên sâu có luận cứ khoa học trong các nghiên cứu định tính ở nước ta vẫn chiếm tỷ lệ tương đối thấp (10,74%). Điều này có thể xuất phát từ sự cẩn trọng của các nhà khoa học khi lựa chọn kỹ thuật phân tích nâng cao và khó khăn trong việc thực hiện phân tích đánh giá, phản biện có luận cứ khoa học.

Với các nghiên cứu định lượng thì kỹ thuật được sử dụng nhiều nhất là công cụ toán cơ bản (như: Thống kê mô tả, tương quan, hồi quy OLS). Cụ thể, các nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp chiếm tỷ lệ 24,16%, và các nghiên cứu điều tra chiếm tỷ lệ 14,43%. Các nghiên cứu sử dụng các kỹ thuật toán thống kê nâng cao (Phân tích dữ liệu bảng, kiểm định vấn đề nội sinh...) chiếm một tỷ lệ rất nhỏ (3,69%). Kết quả này cho thấy năng lực vận dụng thống kê toán nâng cao trong các nghiên cứu về kế toán còn hạn chế.

Bảng 3.

Tổng hợp dữ liệu bài báo theo kỹ thuật nghiên cứu

STT	Kỹ thuật nghiên cứu	Số bài báo	Tỷ lệ
1	Phương pháp định tính (Mô tả/tóm tắt/tổng lược tài liệu)	140	46,98%
2	Phương pháp định lượng (Dữ liệu thứ cấp - Công cụ toán thông thường)	72	24,16%
3	Phương pháp định lượng (Điều tra - Công cụ toán thống kê cơ bản)	43	14,43%
4	Phương pháp định tính (Phân tích chuyên sâu có luận cứ khoa học)	32	10,74%
5	Phương pháp định lượng (Dữ liệu thứ cấp - Công cụ toán thống kê nâng cao)	6	2,01%
6	Kết hợp định tính và định lượng	3	1,01%
7	Phương pháp định lượng (Điều tra - Công cụ toán thống kê nâng cao)	2	0,67%
Tổng cộng		298	100%

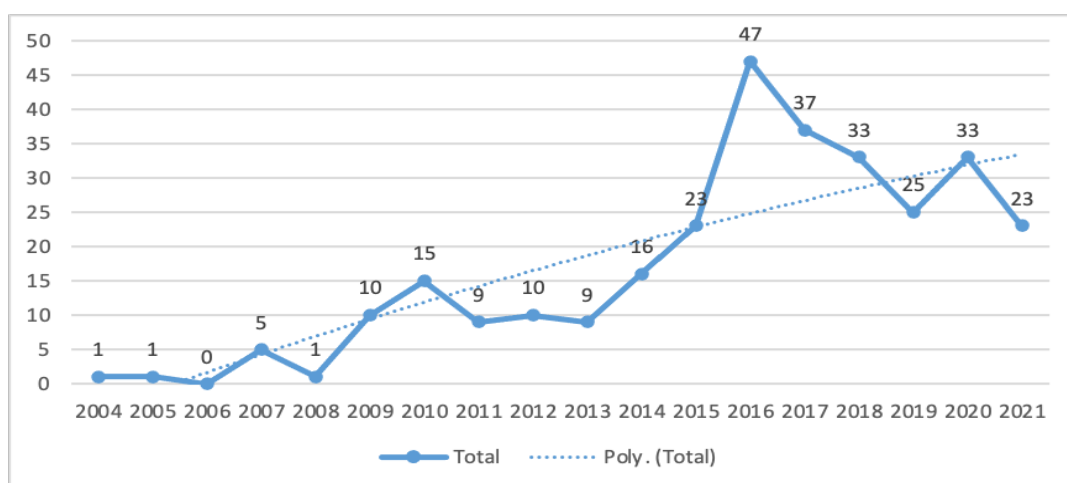
4.3. Phân tích các nghiên cứu theo tạp chí công bố

Như đã đề cập ở phương pháp nghiên cứu ở trên, việc chọn lọc các nghiên cứu để phân tích chỉ xem xét các nghiên cứu đăng trong các tạp chí khoa học có phản biện khoa học trước khi xuất bản. 30 trong số 38 tạp chí nằm trong danh mục bài báo tính điểm khoa học của Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước Việt Nam năm 2020 dành cho khối ngành Kinh tế. Trong số đó, Tạp chí Tài chính là tạp chí có nhiều bài báo nghiên cứu về kế toán công bố nhất với số lượng là 75 bài (chủ yếu là nghiên cứu định tính dạng tổng hợp, tóm tắt), chiếm tỷ lệ 25,17% trên tổng số bài báo xuất bản. Theo sau là Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (56 bài, chiếm 18,79%), Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng Châu Á (26 bài, chiếm 8,72%), Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ (16 bài, chiếm 5,37%). 20 tạp chí còn lại đều chiếm tỷ lệ nhỏ dưới 5%, chỉ xuất bản một đến hai bài báo trong tổng số bài báo thu thập. Kết quả này cho thấy số lượng tạp chí khoa học công bố các nghiên cứu về kế toán là

rất nhiều và đa dạng. Bên cạnh đó, kết quả còn cho thấy các nghiên cứu kế toán ở Việt Nam được xuất bản trong các tạp chí thuộc lĩnh vực Kinh tế - Tài chính – Ngân hàng là chính.

4.4. Phân tích các nghiên cứu theo năm công bố

Hình 3 trình bày số lượng bài báo công bố trong khoảng thời gian từ năm 2004 đến tháng 9 năm 2021. Dữ liệu cho thấy nghiên cứu kế toán ở Việt Nam đã phát triển qua một khoảng thời gian dài nhưng số lượng các nghiên cứu chỉ bắt đầu tăng từ sau năm 2009, tăng mạnh từ năm 2015 và đạt đỉnh vào năm 2016, sau đó giảm nhẹ nhưng vẫn giữ ở mức cao. Nhìn chung, phân tích xu hướng phát triển theo thời gian cho thấy kế toán là chủ đề nghiên cứu được các học giả Việt Nam quan tâm trong một thời gian khá dài (khoảng 18 năm kể từ 2004 đến nay) và có xu hướng ngày càng gia tăng, đặc biệt từ sau năm 2009.



Hình 3. Số lượng các bài báo xuất bản theo năm

Dựa trên kết quả phân tích xu hướng theo thời gian, nhóm tác giả tiến hành phân tích các chủ đề nghiên cứu chính trong ba giai đoạn phát triển: Giai đoạn 2004–2009 (giai đoạn khởi đầu), giai đoạn 2009–2016 (giai đoạn phát triển), và sau năm 2016 đến tháng 9/2021 (giai đoạn hiện tại). Kết quả nghiên cứu được trình bày trong Bảng 4 cho thấy một số phát hiện nổi bật sau:

- *Thứ nhất*, các nghiên cứu xuất bản trong giai đoạn 2004–2009 chỉ tập trung vào 05 chủ đề chính: Kiểm toán, kế toán khu vực công, kiểm soát nội bộ, kế toán quản trị, và đạo đức nghề nghiệp. Trong đó, kiểm soát nội bộ và kế toán khu vực công là hai chủ đề nghiên cứu chủ đạo.

- *Thứ hai*, trong giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2016, cùng với sự tăng vọt của số lượng bài báo xuất bản, các chủ đề nghiên cứu được bao phủ trên nhiều lĩnh vực kế toán, trong đó công bố thông tin và kiểm toán là hai chủ đề được quan tâm nhiều nhất với tỷ lệ số lượng bài báo lần lượt là 13,67% và 11,51%. So với giai đoạn trước năm 2009, đây là một quá trình chuyển hướng nghiên cứu hoàn toàn khác biệt. Trước năm 2009, chỉ có một bài báo thuộc chủ đề kiểm toán và không có nghiên cứu nào về công bố thông tin.

- *Thứ ba*, trong giai đoạn sau năm 2016 đến tháng 09/2021, kiểm toán là chủ đề nghiên cứu được quan tâm nhiều nhất với số bài nghiên cứu trong lĩnh vực này, chiếm tỷ lệ cao nhất (13,25%). Các nghiên cứu liên quan đến chủ đề đạo đức nghề nghiệp và các kỹ thuật/phương pháp kế toán tài chính

doanh nghiệp có số lượng bài báo xuất bản ít nhất, chỉ chiếm tỷ lệ 0,66%. Đây là một điều đáng ngạc nhiên bởi vì trong giai đoạn 2009–2016, số lượng nghiên cứu về các kỹ thuật/phương pháp kế toán tài chính doanh nghiệp là khá đáng kể (chiếm tỷ lệ 8,63%, trong top 3 các chủ đề được quan tâm nhiều nhất). Cuối cùng, các chủ đề nghiên cứu liên quan đến xây dựng, ban hành chuẩn mực, chế độ kế toán; phát triển đào tạo - dịch vụ kế toán, kiểm toán; quản trị lợi nhuận có xu hướng được quan tâm ngày càng nhiều, trong đó, chủ đề quản trị lợi nhuận có số lượng bài báo xuất bản nhảy vọt giữa hai giai đoạn 2009–2016 và 2016–2021. Sự quan tâm đối với các chủ đề kế toán quản trị, kế toán môi trường, đạo đức nghề nghiệp có xu hướng giảm rõ rệt qua cả ba giai đoạn phát triển, trong đó, đạo đức nghề nghiệp là chủ đề ít được quan tâm nhất.

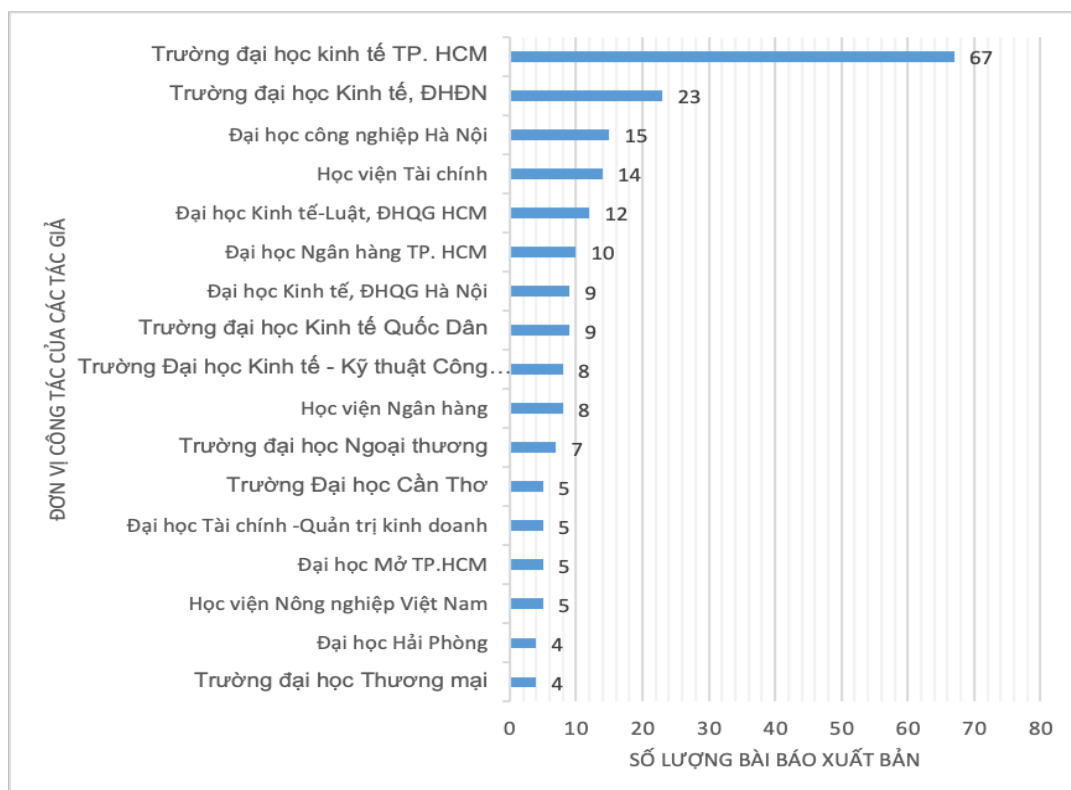
Bảng 4.

Số lượng bài báo theo chủ đề nghiên cứu qua các giai đoạn phát triển từ năm 2004 đến tháng 9/2021

STT	Chủ đề nghiên cứu	2004–2009		2009–2016		2016–9/2021		Tổng
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
1	Kiểm toán	1	12,50	16	11,51	20	13,25	37
2	Công bố thông tin	0	0,00	19	13,67	16	10,60	35
3	Xây dựng, ban hành chuẩn mực/Chế độ kế toán	0	0,00	11	7,91	18	11,92	29
4	Kế toán khu vực công	2	25,00	10	7,19	16	10,60	28
5	Kiểm soát nội bộ	3	37,50	10	7,19	13	8,61	26
6	Đào tạo, dịch vụ kế toán, kiểm toán	0	0,00	6	4,32	18	11,92	24
7	Kế toán quản trị	1	12,50	10	7,19	10	6,62	21
8	Hệ thống thông tin kế toán	0	0,00	12	8,63	7	4,64	19
9	Quản trị lợi nhuận	0	0,00	5	3,60	14	9,27	19
10	Giá trị doanh nghiệp	0	0,00	10	7,19	6	3,97	16
11	Trách nhiệm xã hội/Kế toán môi trường	0	0,00	10	7,19	4	2,65	14
12	Các kỹ thuật/Phương pháp kế toán tài chính doanh nghiệp	0	0,00	12	8,63	1	0,66	13
13	Thuế	0	0,00	5	3,60	5	3,31	10
14	Phân tích tài chính/Tài chính	0	0,00	3	2,16	2	1,32	5
15	Đạo đức nghề nghiệp	1	12,50	0	0,00	1	0,66	2
Tổng		8	100,00	139	100,00	151	100,00	298

4.5. Phân loại các nghiên cứu theo cơ quan công tác của tác giả

Như trình bày ở Hình 4, phân loại theo cơ quan công tác của các nhà nghiên cứu cho thấy trường Đại học Kinh tế TP.HCM có số lượng nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán nhiều nhất (67 bài) và cho thấy triển vọng đi đầu trong cộng đồng nghiên cứu kế toán - kiểm toán trong nước. Theo sau là Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng (với 23 bài), Đại học Công nghiệp Hà Nội (15 bài), Học viện Tài chính (14 bài), Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM (12 bài); 62 trường đại học, học viện và cơ sở nghiên cứu còn lại có từ 10 bài trở xuống.



Hình 4. Số lượng bài báo xuất bản theo cơ quan công tác của các nhà nghiên cứu

5. Thảo luận và hàm ý

- Thứ nhất, kết quả phân tích cho thấy các nghiên cứu kế toán trong thời gian qua có sự phát triển theo các chiều hướng khác nhau, có sự đa dạng cả về chủ đề và phương pháp sử dụng trong nghiên cứu. Bên cạnh đó, nghiên cứu trong kế toán không chỉ tập trung vào các chủ đề thuần túy về kế toán mà đã có sự giao thoa, liên ngành với các lĩnh vực khác (đặc biệt là tài chính). Đặc biệt, các chủ đề mang tính thời sự như: Công bố thông tin, kế toán môi trường và trách nhiệm xã hội cũng đã thu hút được nhiều sự chú ý của các nhà khoa học. Mặt khác, nghiên cứu về kế toán quản trị, phân tích tài chính, thuế chưa có sự quan tâm nhiều của các nhà nghiên cứu. Đặc biệt, nghiên cứu về ban hành chuẩn mực, chế độ kế toán, đào tạo kế toán, đạo đức nghề nghiệp rất ít được quan tâm. Trong thời gian tới, cần tập trung khai thác các chủ đề ít được chú ý trong thời gian qua để đánh giá đầy đủ hơn thực trạng kế toán ở Việt Nam.

- *Thứ hai*, về mặt phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong các nghiên cứu, bên cạnh xu hướng nghiên cứu định lượng có sự phát triển gần đây, nghiên cứu định tính vẫn ngự trị. Hai hàm ý rút ra từ kết quả này, đó là: (1) Phần lớn các nghiên cứu định lượng vẫn ở mức độ cơ bản của cách tiếp cận này; đó là sử dụng các kỹ thuật thống kê cơ bản. Điều này thể hiện nghiên cứu trong kế toán chưa bắt kịp nhịp độ với các nghiên cứu trong tài chính và kinh tế. (2) Phần lớn các nghiên cứu định tính là nghiên cứu tổng hợp, trình bày mà chưa có phân tích, phân biện trên cơ sở vận dụng phương pháp định tính đúng nghĩa. Để nâng cao chất lượng các nghiên cứu, những hạn chế này cần được khắc phục từng bước để hòa nhập với trình độ của các nghiên cứu trên thế giới. Các tạp chí nên hạn chế đăng các nghiên cứu định tính giản đơn dạng tổng hợp, trình bày. Với các nghiên cứu định lượng, các tạp chí cần đưa ra các yêu cầu cao hơn về kỹ thuật toán thống kê để kết quả phân tích thuyết phục hơn.

- *Thứ ba*, phần lớn bài báo nghiên cứu kế toán, kiểm toán ở Việt Nam đều được xuất bản trên các tạp chí có chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia (nằm trong danh mục bài báo tính điểm khoa học của Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước). Một số bài báo có chỉ số đo lường chất lượng và giá trị công trình khoa học theo chuẩn quốc tế ở mức khá (trích dẫn, hệ số ảnh hưởng và chỉ số H). Tuy nhiên, số lượng tạp chí như thế không nhiều, các tạp chí khác nếu có thì vẫn còn ở mức độ thấp. Ngoài ra, một số tạp chí nằm trong danh mục bài báo tính điểm khoa học của Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước năm 2020 nhưng không có thông tin chất lượng tạp chí theo các chỉ số đo lường quốc tế. Kết quả phân tích tài liệu theo tạp chí xuất bản cung cấp bằng chứng hữu ích cho các nhà khoa học trong việc lựa chọn tạp chí xuất bản uy tín cũng như đối với các đơn vị quản lý tạp chí khoa học cần chú trọng nâng cao chất lượng tạp chí theo các tiêu chí đo lường quốc tế (chỉ số trích dẫn, hệ số ảnh hưởng, chỉ số H).

- *Thứ tư*, số lượng các nghiên cứu kế toán ở Việt Nam có sự phát triển lớn trong hơn 18 năm qua. Trong giai đoạn 5 năm đầu kể từ năm 2004, số lượng nghiên cứu xuất bản vẫn còn rất ít. Số lượng bài báo công bố chỉ bắt đầu tăng từ sau năm 2009 và tăng mạnh từ năm 2015 cho đến nay (đạt đỉnh vào năm 2016 với 47 bài). Điều này cho thấy nghiên cứu kế toán ở Việt Nam còn non trẻ so với lịch sử phát triển của ngành này trên thế giới. Tuy nhiên, kết quả cũng cho thấy nghiên cứu kế toán ở nước ta ngày càng nhận được sự chú ý của các học giả trong nước và đang có xu hướng gia tăng trong thời gian tới. Điều này cũng dễ hiểu vì chất lượng đội ngũ giáo viên kế toán ngày càng được tăng cường, nhất là những giáo viên được đào tạo ở nước ngoài ngày càng nhiều. Với sự tiến triển như thế này, số lượng các nghiên cứu công bố trong tương lai sẽ ngày càng nhiều về số lượng và chất lượng.

- *Cuối cùng*, kết quả nghiên cứu cho thấy một số đặc điểm về năng lực nghiên cứu kế toán của các khoa/trường. Khoa kế toán Trường Đại học Kinh tế TP.HCM là đơn vị có nhiều bài báo xuất bản trong nước liên quan đến kế toán - kiểm toán nhất, với số lượng nhiều hơn gấp ba lần so với đơn vị thứ hai là Khoa Kế toán thuộc Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng. Một số các trường đại học lớn khác cũng nằm trong top 10 nhưng số lượng bài báo chỉ dao động từ 15 bài trở lại. Bên cạnh đó, kết quả này cũng đặt ra câu hỏi vì sao một số cơ sở đào tạo ngành kinh tế, đặc biệt một số trường lớn có số lượng bài báo nghiên cứu kế toán không nhiều? Có hai giả thuyết đặt ra như sau: *Thứ nhất*, có thể kế toán không phải là ngành đào tạo chủ đạo của các trường; và *thứ hai*, trường không chú trọng nghiên cứu công bố trong các tạp chí trong nước. Kết quả này chỉ là tương đối, và có thể không phản ánh đúng thực chất năng lực nghiên cứu của các cơ sở đào tạo về kế toán và kiểm toán, do có thể bỏ sót các nghiên cứu và một số trường có công bố quốc tế cao. Cho dù là lý do gì thì đây cũng là bằng chứng quan trọng để các trường đại học, viện nghiên cứu và các cơ sở đào tạo chuyên ngành kế toán, kiểm toán ở Việt Nam cần tăng cường việc xuất bản nghiên cứu kế toán trên các tạp chí khoa học

trong nước để góp phần vào sự phát triển chung của lĩnh vực nghiên cứu kế toán ở Việt Nam, một lĩnh vực còn non trẻ và có rất nhiều triển vọng phát triển trong tương lai.

6. Kết luận

Bài nghiên cứu cung cấp một phân tích tổng hợp có hệ thống thực trạng các nghiên cứu kế toán ở Việt Nam trong gần 18 năm theo các khía cạnh khác nhau. Kết quả nghiên cứu cho thấy thực trạng, xu hướng phát triển, cơ hội và gợi ý định hướng nghiên cứu kế toán trong tương lai ở Việt Nam. Để thực hiện được điều này, bài báo đã thực hiện phân tích 298 bài báo được xuất bản từ năm 2004 đến tháng 9 năm 2021, được công bố trong 38 tạp chí khoa học ở Việt Nam, phần lớn đều là những tạp chí uy tín nằm trong danh mục tính điểm khoa học của Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước Việt Nam năm 2020. Bằng chứng thu được là khoảng trống trong chủ đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, triển vọng phát triển trong tương lai của lĩnh vực nghiên cứu kế toán ở Việt Nam, những tồn tại trong công tác xuất bản và tạp chí xuất bản các nghiên cứu kế toán ở Việt Nam. Những phát hiện này sẽ giúp định hướng cho các nhà khoa học cũng như các cơ quan ban ngành liên quan đến lĩnh vực kế toán ở Việt Nam trong thời gian đến ở một số khía cạnh như: Chủ đề nghiên cứu còn bị bỏ ngỏ, hướng lựa chọn tạp chí xuất bản, hướng cải thiện chất lượng tạp chí khoa học trong nước.

Dù sử dụng phương pháp nào thì các nghiên cứu đều có những hạn chế nhất định. Bài báo này chỉ tập trung thu thập và phân tích những bài báo nghiên cứu kế toán ở Việt Nam viết bằng tiếng Việt, xuất bản ở các tạp chí khoa học ở Việt Nam và chỉ hạn chế ở các bài báo có chứa các cụm từ tìm kiếm trong tiêu đề và/ hoặc tóm tắt từ ba nguồn dữ liệu chính gồm: Tạp chí Khoa học Việt Nam Trực tuyến (VJOL), Tư liệu Khoa học Việt Nam (VCGATE), Google Scholar. Trong tương lai, các nghiên cứu mở rộng sử dụng các nghiên cứu xuất bản trên tạp chí quốc tế không chỉ dưới dạng bài báo mà còn ở dạng giáo trình, chương sách, kỷ yếu hội thảo là rất cần thiết; sử dụng các phương pháp và kỹ thuật phân tích đột phá hơn trong nghiên cứu cũng là điều cần thiết cho nghiên cứu trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

- Akbari, M., & McClelland, R. (2020). Corporate social responsibility and corporate citizenship in sustainable supply chain: A structured literature review. *Benchmarking An International Journal*, 27(6), 1799–1841.
- Aliaga, M., & Gunderson, B. (2002). *Interactive Statistics*. Virginia, America: Pearson Education.
- Bradbury, M., & Hooks, J. (2013). Pacific Accounting Review—the first 25 years. *Pacific Accounting Review*, 25(3). doi: 10.1108/PAR-08-2013-0079
- Brennan, N. (1998). *Accounting research: A Practical Guide*. Oak Tree Press.
- Đặng Ngọc Hùng. (2017). Tổng quan các nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, 39(1), 113–119.
- Erkens, M., Paugam, L., & Stolowy, H. (2015). Non-financial information: State of the art and research perspectives based on a bibliometric study. *Comptabilité-Contrôle-Audit*, 21(3), 15-92.

- Mai Thị Hoàng Minh, Phạm Trà Lam, & Phạm Anh Đào. (2016). *Áp dụng phương pháp nghiên cứu khoa học trong các luận án tiến sĩ ngành kế toán tại Việt Nam*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo kế toán, kiểm toán theo yêu cầu hội nhập (tr. 145–154).
- Olalere, T. (2011). Methodology in accounting research: A critique of taxonomy. Available at SSRN: <https://ssrn.com/abstract=1921192>.
- Oler, D. K., Oler, M. J., & Skousen, C. J. (2010). Characterizing accounting research. *Accounting Horizons*, 24(4), 635–670.
- Phạm Đức Cường. (2016). *Nghiên cứu trong kế toán tại các trường đại học ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng và khuyến nghị*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia, Kế toán - Kiểm toán trong bối cảnh Việt Nam gia nhập TPP và AEC.
- Podsakoff, P. M., MacKenzie, S. B., Bachrach, D. G., & Podsakoff, N. P. (2005). The influence of management journals in the 1980s and 1990s. *Strategic Management Journal*, 26(5), 473–488.
- Polzer, T., Adhikari, P., Nguyen, C. P., & Gårseth-Nesbakk, L. (2021). Adoption of the International Public Sector Accounting Standards in emerging economies and low-income countries: A structured literature review. *Journal of Public Budgeting, Accounting & Financial Management*, forthcoming. doi: 10.1108/JPBAFM-01-2021-0016
- Seuring, S., & Müller, M. (2008). From a literature review to a conceptual framework for sustainable supply chain management. *Journal of Cleaner Production*, 16(15), 1699–1710.
- Tranfield, D., Denyer, D., & Smart, P. (2003). Towards a methodology for developing evidence-informed management knowledge by means of systematic review. *British Journal of Management*, 14(3), 207–222.